

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 151/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 10-12-2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Chiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1998

Cư trú: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993

Cư trú: khu dân cư H, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành

phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 159, ngày 04/10/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, bà T về nhà cha mẹ ruột sống từ đầu năm 2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể kéo dài nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Thành N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Tại phiên tòa, ông N tiếp tục vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Nguyễn Thành N. Ông N cư trú tại khu dân cư H, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 04/10/2018 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết, bà T xác định không còn tình cảm với ông N, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn. Ông N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung; không cung cấp, giao nộp chứng cứ. Tại phiên tòa, ông N tiếp tục vắng mặt không lý do, thể hiện ông N không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Thành N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005501, ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**Hà Thị Chiền**